

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về quản lý các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

2. Nghị định này không điều chỉnh việc quản lý xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm, báo, tạp chí không nhằm mục đích kinh doanh. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm, báo, tạp chí thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí và xuất bản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân, tổ chức nước ngoài (sau đây gọi là cá nhân, tổ chức) có văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh (sau đây gọi là xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm): Là hoạt động đưa từ

Việt Nam ra nước ngoài, đưa từ nước ngoài vào Việt Nam qua cửa khẩu, mạng internet hoặc các hình thức khác đối với văn hóa phẩm để sử dụng riêng, biếu, tặng, thừa kế, triển lãm, dự thi, hợp tác trao đổi, hội thảo, liên hoan, viện trợ, phổ biến hoặc các mục đích khác không mang tính thương mại thu lợi nhuận.

2. Văn hóa phẩm bao gồm:

a) Các bản ghi âm, ghi hình; các loại phim, băng từ, đĩa mềm, đĩa cứng, đĩa quang đã ghi nội dung; các sản phẩm công nghệ nghe nhìn khác đã ghi thông tin ở dạng chữ viết, âm thanh hoặc hình ảnh;

b) Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh, nhiếp ảnh;

c) Di sản văn hóa vật thể và các sản phẩm liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 4. Áp dụng các luật có liên quan và điều ước quốc tế

1. Cá nhân, tổ chức công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài thực hiện theo quy định về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài.

2. Cá nhân, tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm là di sản văn hóa vật thể và các sản phẩm liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể thực hiện theo quy định tại Nghị định này và quy định của Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Cá nhân, tổ chức khi xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm phải đảm bảo thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Thuế, phí và lệ phí

Cá nhân, tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm phải thực hiện việc nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về thuế và phí, lệ phí.

Điều 6. Văn hóa phẩm cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu

1. Nghiêm cấm xuất khẩu, nhập khẩu các loại văn hóa phẩm sau đây:

a) Có nội dung chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

b) Có nội dung kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động dân ô, đòi trụy, tội ác;

c) Có nội dung thuộc về bí mật nhà nước;

d) Có nội dung thông tin sai sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống nhằm xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm công dân;

đ) Các loại văn hóa phẩm khác mà pháp luật cấm tàng trữ, phổ biến, lưu hành tại Việt Nam.

2. Trong trường hợp cần thiết, các Bộ, ngành ở Trung ương được nhập khẩu các loại văn hóa phẩm quy định tại Khoản 1 Điều này để phục vụ cho công tác

chuyên môn nghiệp vụ hoặc nghiên cứu. Thủ tục nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Người đứng đầu cơ quan có văn hóa phẩm nhập khẩu phải quản lý, sử dụng đúng theo quy định của pháp luật.

Chương II

THỦ TỤC XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Điều 7. Xuất khẩu văn hóa phẩm

1. Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm xuất khẩu đã được sản xuất, công bố, phổ biến và lưu hành hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam khi xuất khẩu không cần giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch, chỉ làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trong trường hợp cần giám định nội dung văn hóa phẩm, cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu tiến hành trưng cầu giám định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có văn hóa phẩm xuất khẩu.

2. Các loại văn hóa phẩm dưới đây phải được cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch giám định trước khi xuất khẩu: Các loại phim của các cơ quan, tổ chức hoặc phim hợp tác cung cấp dịch vụ làm phim cho nước ngoài chưa được công bố, phổ biến; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch có trách nhiệm giám định văn hóa phẩm xuất khẩu theo đề nghị của cơ quan Hải quan và cá nhân, tổ chức. Biên bản giám định là căn cứ để cơ quan Hải quan giải quyết thủ tục xuất khẩu.

Điều 8. Thẩm quyền cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm trong các trường hợp sau:

a) Văn hóa phẩm để trao đổi hợp tác, viện trợ; tham gia triển lãm, dự thi, liên hoan ở cấp quốc gia;

b) Phim điện ảnh, phim truyền hình để phổ biến, phát hành theo quy định của pháp luật trong toàn quốc hoặc trên địa bàn hai địa phương trở lên;

c) Di vật, cổ vật để triển lãm hoặc trưng bày trong bảo tàng;

d) Văn hóa phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định này để phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ hoặc nghiên cứu của các Bộ, ngành ở Trung ương, sau khi xin ý kiến bằng văn bản của Bộ, ngành có liên quan;

đ) Văn hóa phẩm để sử dụng hoặc các mục đích khác trong toàn quốc hoặc trên địa bàn nhiều địa phương khác nhau.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm cho cá nhân, tổ chức ở địa phương trong các trường hợp sau: